

2026 年華測考試時間表 LỊCH THI TOCFL NĂM 2026**ĐĂNG KÝ TRỰC TUYẾN : <https://tocfl.edu.tw/OS/>****駐胡志明市臺北經濟文化辦事處教育組****Phòng giáo dục, VP Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại TPHCM****Tel: 028-38349160 ext 2204 (nhánh chính) / 2203 (nhánh phụ)****Add: 336 Nguyễn Tri Phương, P4, Q10**

序號 STT	考試日期 Ngày thi	報名日期 Ngày báo danh	考試地點 Địa điểm thi	考試項目/報名費 Hình thức thi/lệ phí
1	2026/01/10 (周六/Thứ 7)	2025/11/17 ~ 2025/12/05	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
2	2026/01/11 (周日/chủ nhật)	2025/11/18 ~ 2025/12/06	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
3	2026/02/07 (周六/Thứ 7)	2025/12/07 ~ 2025/01/05	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
4	2026/02/08 (周日/chủ nhật)	2025/12/08 ~ 2025/01/05	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
5	2026/03/07 (周六/Thứ 7)	2026/01/07 ~ 2026/01/26	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
6	2026/03/08 (周日/chủ nhật)	2026/01/08 ~ 2026/01/26	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
7	2026/03/28 (周六/Thứ 7)	2026/01/26 ~ 2026/02/10	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
8	2026/03/29 (周日/chủ nhật)	2026/01/26 ~ 2026/02/10	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
9	2026/04/04 (周六/Thứ 7)	2026/02/22 ~ 2026/03/06	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
10	2026/04/05 (周日/chủ nhật)	2026/02/22 ~ 2026/03/06	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
11	2026/04/11 (周六/Thứ 7)	2026/03/01 ~ 2026/03/12	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
12	2026/05/16 (周六/Thứ 7)	2026/03/23 ~ 2026/04/06	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
13	2026/05/17 (周日/chủ nhật)	2026/03/23 ~ 2026/04/06	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
14	2026/05/23 (周六/Thứ 7)	2026/03/30 ~ 2026/04/17	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
15	2026/05/24 (周日/chủ nhật)	2026/03/30 ~ 2026/04/17	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
16	2026/05/30 (周六/Thứ 7)	2026/03/30 ~ 2026/04/24	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
17	2026/05/31 (周日/chủ nhật)	2026/03/30 ~ 2026/04/24	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
18	2026/06/06 (周六/Thứ 7)	2026/03/30 ~ 2026/04/29	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
19	2026/06/07 (周日/chủ nhật)	2026/03/30 ~ 2026/04/29	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
20	2026/06/13 (周六/Thứ 7)	2026/03/30 ~ 2026/05/08	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
21	2026/06/14 (周日/chủ nhật)	2026/03/30 ~ 2026/05/08	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000

22	2026/06/28 (周日/ chủ nhật)	2026/03/30 ~ 2026/05/22	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
23	2026/06/29 (周一/ Thứ 2)	2026/03/30 ~ 2026/05/22	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
24	2026/07/04 (周六/ Thứ 7)	2026/05/22~ 2026/06/05	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
25	2026/07/05 (周日/ chủ nhật)	2026/05/22~ 2026/06/05	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
26	2026/07/06 (周一/ Thứ 2)	2026/05/22~ 2026/06/05	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
27	2026/07/11 (周六/ Thứ 7)	2026/05/25 ~ 2026/06/10	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
28	2026/07/12 (周日/ chủ nhật)	2026/05/25 ~ 2026/06/10	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
29	2026/07/13 (周一/ Thứ 2)	2026/05/25~ 2026/06/10	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
30	2026/07/18 (周日/ chủ nhật)	2026/06/05~ 2026/06/19	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
31	2026/07/19 (周日/ chủ nhật)	2026/06/05~ 2026/06/19	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
32	2026/07/20 (周一/ Thứ 2)	2026/06/05~ 2026/06/19	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
33	2026/07/25 (周六/ Thứ 7)	2026/06/11 ~ 2026/06/26	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
34	2026/07/26 (周日/ chủ nhật)	2026/06/11 ~ 2026/06/26	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
35	2026/07/27 (周一/ Thứ 2)	2026/06/11~ 2026/06/26	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
35	2026/08/15 (周六/ Thứ 7)	2026/06/27 ~ 2026/07/14	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
37	2026/08/16 (周日/ chủ nhật)	2026/06/27 ~ 2026/07/14	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
38	2026/08/29 (周六/ Thứ 7)	2026/07/15 ~ 2026/07/30	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
39	2026/08/30 (周日/ chủ nhật)	2026/07/15 ~ 2026/07/30	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
49	2026/09/19 (周六/ Thứ 7)	2026/07/31 ~ 2026/08/19	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
40	2026/09/20 (周日/ chủ nhật)	2026/07/31 ~ 2026/08/19	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
41	2026/10/24 (周六/ Thứ 7)	2026/08/20 ~ 2026/09/06	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
42	2026/10/25 (周日/ chủ nhật)	2026/08/20 ~ 2026/09/06	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
43	2026/11/07 (周六/ Thứ 7)	2026/09/07 ~ 2026/09/23	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
44	2026/11/08 (周日/ chủ nhật)	2026/09/07 ~ 2026/09/23	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
45	2026/11/14 (周六/ Thứ 7)	2026/09/24 ~ 2026/10/15	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000

46	2026/11/15 (周日/ chủ nhật)	2026/09/24 ~ 2026/10/15	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
47	2026/12/12 (周六/ Thứ 7)	2026/10/16 ~ 2026/10/31	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
48	2026/12/13 (周日/ chủ nhật)	2026/10/16 ~ 2026/10/31	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
49	2026/12/19 (周六/ Thứ 7)	2026/11/01 ~ 2026/11/20	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000
50	2026/12/20 (周日/ chủ nhật)	2026/11/01 ~ 2026/11/20	越南胡志明市台灣學校 Trường Đài Bắc TPHCM	電腦 (không phân ban) Thi trên máy tính 700,000

備注：有關考試訊息，請跟本組聯係：

電話： 028-38349160 ext 2204 / 2203

郵箱： tocflhcmc@mail.moe.gov.tw

Ghi chú: Mọi chi tiết vui lòng liên hệ: Phòng Giáo dục, Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại TPHCM

Điện thoại: 028-38349160 ext 2204 (nhánh chính)/ 2203 (nhánh phụ);

Email: tocflhcmc@mail.moe.gov.tw